

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá tối đa hàng hóa, dịch vụ sử dụng
cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh

Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1042/TTr-SNNMT ngày 20/7/2026; ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 6398/STC-TCHCSN ngày 27/6/2026, Kết luận số 492-KL/ĐU ngày 25/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá tối đa hàng hóa, dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành quy định mức giá tối đa đối với các dịch vụ sử dụng cảng cá đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Không thu giá dịch vụ đối với tàu thuyền vào neo, đậu để tránh trú bão tại cảng cá; các đơn vị làm nhiệm vụ công vụ như: Biên phòng, Quân đội, Công an, Cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu.

3. Mức giá tối đa

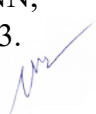
Mức giá tối đa các dịch vụ sử dụng cảng cá áp dụng tại các cảng cá loại I, loại II và loại III được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai, mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (*Phụ lục bảng giá tối đa các dịch vụ sử dụng cảng cá tại các cảng cá loại I, loại II và loại III trên địa bàn tỉnh gia lai kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban quản lý cảng cá, Ban Quản lý cảng cá Tam Quan có trách nhiệm:
 - + Tổ chức thu giá dịch vụ đúng đối tượng, đúng mức thu, đảm bảo không vượt quá đơn giá tối đa quy định tại Quyết định này và sử dụng chứng từ theo đúng quy định hiện hành.
 - + Niêm yết, thông báo công khai tại địa điểm thu về khoản mục thu, mức thu, phương thức thu và đơn vị được giao nhiệm vụ thu.
 - + Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ sử dụng cảng cá đúng quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) và các nhiệm vụ chi theo quy định.
- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở tài chính, các cơ quan liên quan hướng dẫn Ban quản lý cảng cá, Ban Quản lý cảng cá Tam Quan triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ; Trưởng Thuế tỉnh Gia Lai; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch UBND các phường Hoài Nhơn Bắc, Quy Nhơn; Chủ tịch UBND xã Đề Gi; Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh D.M.Tiếp;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, N3. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp

Phụ lục
BẢNG GIÁ TỐI ĐA CÁC DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẢNG CÁ
TẠI CÁC CẢNG CÁ LOẠI I, LOẠI II VÀ LOẠI III TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm VAT)
I	Tàu cá cập cảng		
1	Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	20.000
2	Tàu cá có chiều dài từ 12m đến dưới 15m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	40.000
3	Tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	100.000
4	Tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	150.000
II	Tàu thuyền vận tải sử dụng cập cảng		
1	Tàu thuyền có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	20.000
2	Tàu thuyền có trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	40.000
3	Tàu thuyền có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 100 tấn	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	100.000
4	Tàu thuyền có trọng tải từ 100 tấn trở lên	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	150.000
III	Phương tiện vận tải		
1	Xe thô sơ (xe máy, xích lô, ba gác)	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	5.000
2	Xe có trọng tải dưới 1 tấn	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	10.000
3	Xe có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	15.000
4	Xe có trọng tải từ 2,5 đến 5 tấn	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	25.000
5	Xe có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần vào, ra	30.000

		(không quá 12 giờ)	
6	Xe có trọng tải trên 10 tấn	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	50.000
7	Đầu kéo	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	100.000
8	Sơ mi rơ moóc	đồng/lần vào, ra (không quá 12 giờ)	100.000
IV	Hàng hóa qua cảng		
1	Hàng thủy sản tươi, sống bốc dỡ tại cảng cá có giá trị cao, bao gồm: cá ngừ đại dương, cá cờ, cá thu).	đồng/tấn	50.000
2	Hàng thủy sản, động vật tươi sống bốc dỡ tại cảng cá còn lại.	đồng/tấn	25.000
3	Hàng hóa khác	đồng/tấn	10.000
V	Giá dịch vụ sử dụng mặt bằng		
1	Loại có mái che	đồng/m ² /tháng	50.000
2	Loại không có mái che	đồng/m ² /tháng	25.000